

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ - ST
Ngày 12-01-2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TG, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đình Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý A Thu và ông Nguyễn Đình Tuyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Thảo A Thu – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện TG, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TG, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TG, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/TLST – HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2020/QĐST - HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị H; Sinh năm 1993; Nơi cư trú: Bản H (nay là bản HC), xã MT, huyện TG, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn: Anh Lò Văn Th; Sinh năm 1993; Nơi cư trú: Bản T, xã MT, huyện TG, tỉnh Điện Biên.

(Chị H có mặt, anh Th vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/10/2020 và bản tự khai ngày 09/10/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Lò Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị H và anh Lò Văn Th kết hôn với nhau ngày 12/12/2012 tại Ủy ban nhân dân xã MT, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Chị H và anh Th kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Chị H đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở bản HC, xã MT, huyện TG sinh sống. Chị H đã sống ly Th1 với anh Th từ thời điểm năm 2017 cho đến nay. Từ thời điểm sống ly Th1 giữa chị và anh Th không còn thường xuyên liên lạc cho nhau, không còn quan tâm đến nhau nữa, nhiều lần giữa chị H và anh Th thống nhất ly hôn nhưng do anh Th đi làm xa không thường xuyên có mặt ở nhà nên không giải quyết được. Chị H xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục cuộc sống chung với anh Th được nữa, vì vậy chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th.

Về con chung: Chị H khai vợ chồng có 01 con chung là Lò Văn T, sinh ngày 22/01/2014. Hiện tại cháu T đang ở cùng với chị H ở bản HC, xã MT, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Theo đơn khởi kiện ban đầu chị H đề nghị Tòa án giao cháu T cho anh Th nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận. Nhưng tại bản tự khai ngày 09/10/2020 và tại phiên họp công khai chứng cứ ngày 10/11/2020 chị H thay đổi xin có nguyện vọng được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T đến khi thành niên và có khả năng lao động. Không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện TG đã gửi Thông báo thụ lý vụ án cho anh Lò Văn Th qua đường bưu điện thể hiện bằng Phiếu báo phát của Bưu điện có chữ ký người nhận là bà Cà Thị U (mẹ anh Lò Văn Th), đồng thời Tòa án cũng tiến hành niêm yết công khai Thông báo thụ lý vụ án và cùng các tài liệu chứng cứ cho anh Lò Văn Th tại Nhà văn hoá bản T, Trụ sở UBND xã MT và Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TG.

Ngày 12/10/2020, Tòa án xác minh thông tin của ông Lường Văn Th1 (Trưởng bản T, xã MT) về sự vắng mặt của anh Th, tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi con giữa anh Th và chị H. Ông Th1 cho biết: Hiện tại anh Th đang đi làm thuê, không thường xuyên có mặt tại địa phương, thỉnh thoảng có về nhà, nhưng đi đâu làm gì thì không rõ nên không có địa chỉ chính xác. Hiện tại anh Th vẫn có hộ khẩu ở bản T, xã MT, huyện TG. Anh Th và chị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã MT,

sau khi kết hôn chị H và anh Th chung sống với nhau được 4 đến 5 năm, do hoàn cảnh gia đình khó khăn hai vợ chồng đi làm thuê để mưu sinh nên không có thời gian quan tâm đến nhau theo ông Th1 đó là nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Khoảng năm 2017 chị H về nhà bố mẹ ở bản HC, xã MT và từ thời điểm đó cũng không thấy chị H và anh Th về ở cùng với nhau. Còn cụ thể nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào thì ông không nắm rõ được. Chị H và anh Th có 01 con chung là cháu Lò Văn T, sinh ngày 22/01/2014, cháu T thường xuyên ở với chị H, thỉnh thoảng có về ở với anh Th nhưng chủ yếu ở với chị H nhiều hơn. Chị H và anh Th đều làm nông nghiệp và cả hai đều đi làm thuê nhưng theo như ông Th1 đánh giá thì chị H có thu nhập ổn định hơn sẽ đảm bảo được điều kiện nuôi dưỡng cháu T. Đối với tài sản chung và nợ chung theo như ông Th1 được biết thì chị H và anh Th có một ngôi nhà sàn 03 gian nhỏ dựng trên đất của bố mẹ anh Th, nguồn gốc số tiền làm nhà và nợ chung thì ông không nắm rõ được. Ngoài ra ông cũng không cho biết gì thêm. Cùng ngày 12/10/2020, Tòa án tiến hành xác minh thông tin của ông Phan Thành Cường, Trưởng Công an xã MT, huyện TG. Ông Cường cho biết: Anh Lò Văn Th là công dân có hộ khẩu trú tại bản T, xã MT Hiện tại đi làm thuê không hay có mặt tại địa phương, anh Th đi làm ở đâu không khai báo với chính quyền địa phương nhưng thỉnh thoảng vẫn về thăm gia đình, hiện tại vẫn đang có hộ khẩu thường trú tại bản T, xã MT, huyện TG.

Ngày 26/10/2020 Tòa án đã Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về việc mở phiên họp đã được Tòa án niêm yết công khai tại Nhà văn hoá bản T, Ủy ban nhân dân xã MT và trụ sở Tòa án nhân dân huyện TG nhưng anh Th vẫn cố tình vắng mặt mà không có lý do. Ngày 10/11/2020 Tòa án nhân dân huyện TG đã thông báo kết quả phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và làm thủ tục niêm yết theo quy định của pháp luật cho anh Lò Văn Th. Chị H cũng đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải do vậy đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Khoản 1, Khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 03/12/2020 Tòa án nhân dân huyện TG đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử; ngày 22/12/2020 mở phiên tòa và đã Quyết định hoãn phiên tòa số 01/QĐST – HNGĐ, ngày 22/12/2020 để đảm bảo quyền lợi cho anh Th. Tuy nhiên đến phiên tòa lần thứ hai anh Th vẫn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Việc anh Th cố tình không chấp hành giấy báo, giấy triệu tập không có mặt tại phiên tòa và được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt là tự từ bỏ

quyền của mình khi tham gia tố tụng nên Tòa án nhân dân huyện TG vẫn tiến hành giải quyết theo thủ tục chung.

Chị H có mặt tại phiên toà và giao nộp thêm cho Tòa án văn bản xác nhận về ngày tháng năm sinh của chị Lò Thị H, anh Th vắng mặt lần 2 không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Th.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện TG: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa cơ bản đều đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H; *Về con chung:* Căn cứ Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Lò Văn T, sinh ngày 22/01/2014 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên và có khả năng lao động, chị H không yêu cầu anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con; *Về quan hệ tài sản:* Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết; *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện về việc nguyên đơn chị Lò Thị H xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Lò Văn Th và các tài liệu chứng cứ kèm theo, Tòa án xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là anh Lò Văn Th có hộ khẩu thường trú tại bản T, xã MT, huyện TG, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TG theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về điều luật áp dụng: Chị Lò Thị H và anh Lò Văn Th kết hôn năm 2012, Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để xem xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân và áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Ngày 12/01/2021 Tòa án nhân dân huyện TG đã tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án. Bị đơn anh Lò Văn Th vắng mặt lần 2 không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Th theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[5]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị H và anh Lò Văn Th kết hôn ngày 12/12/2012, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã MT, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Chị H khai nhận hai vợ chồng kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc theo quy định tại Khoản 2 Điều 9, Khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quan hệ hôn nhân của chị H và anh Th là hợp pháp. Chị H có đơn xin ly hôn với anh Th là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Chị H đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở bản HC, xã MT, huyện TG sinh sống từ năm 2017 và sống ly thân từ thời điểm đó cho đến nay. Từ thời điểm sống ly thân giữa chị H và anh Th không còn thường xuyên liên lạc cho nhau, không còn quan tâm đến nhau nữa, nhiều lần giữa chị H và anh Th thống nhất ly hôn nhưng do anh Th đi làm xa không thường xuyên có mặt ở nhà nên không giải quyết được. Tại Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 12/10/2020, chính quyền địa phương cũng thừa nhận việc chị H và anh Th có mâu thuẫn do hoàn cảnh gia đình khó khăn hai vợ chồng hay đi làm thuê để mưu sinh nên không có thời gian quan tâm đến nhau đó là nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng chung sống với nhau được vài năm thì đến năm 2017 chị H về nhà bố mẹ ở bản HC, xã MT sống và từ thời điểm đó cũng không thấy chị H và anh Th về ở cùng với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy chị H và anh Th đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay, trong thời gian ly thân và từ thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến nay giữa chị H và anh Th không đi lại thăm nom, chăm sóc lẫn nhau và cũng không điện thoại hỏi thăm nhau, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Th đã được Tòa án thông báo về việc chị H xin ly hôn với anh, nhưng anh Th không có ý kiến gì gửi cho Tòa án. Ngày 10/11/2020 chị H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vì chị H xác định không còn tình cảm với anh Th, chị vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án cho ly hôn với anh Th. Do đó việc chị H xin ly hôn với anh Th là phù hợp với quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Lò Thị H được ly hôn với anh Lò Văn Th.

[6]. Về con chung: Chị H và anh Th có 01 con chung là Lò Văn T, sinh ngày 22/01/2014. Hiện tại cháu T đang ở cùng với chị H ở bản HC, xã MT, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Vợ chồng ly hôn chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T.

Tại Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi con ngày 12/10/2020 chính quyền địa phương cũng xác nhận cháu T thường xuyên ở với chị H, thỉnh thoảng có về ở với anh Th nhưng chủ yếu ở với chị H nhiều hơn. Chị H và anh Th đều làm nông nghiệp và cả hai đều đi làm thuê nhưng xét về thu nhập thì chị H có thu nhập ổn định hơn sẽ đảm bảo được điều kiện nuôi dưỡng cháu T. Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/10/2020 chị H khai ngoài làm ruộng, chị còn đi làm thêm thu nhập bình quân khoảng 9.000.000 đồng/tháng đảm bảo nuôi dưỡng cháu T, chị thỉnh thoảng đi làm xa nhà nhưng vẫn thường xuyên về chăm sóc cháu T, trong thời gian đi làm xa thì cháu T chị nhờ mẹ đẻ trông nom chăm sóc. Xét đề nghị của chị H là phù hợp với quy định của pháp luật, mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án anh Th không có mặt tại Tòa án cũng như không có bất cứ ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu T, Hội đồng xét xử xét thấy nên giao cháu T cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên và có khả năng lao động là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu anh Th cấp dưỡng do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chị H phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm, tuy nhiên chị H là người dân tộc thiểu số cư trú tại Bản HC, xã MT, huyện TG, tỉnh Điện Biên thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị H được miễn án phí DSST.

[9]. Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TG là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 9, khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Nguyên đơn chị Lò Thị H được ly hôn với bị đơn anh Lò Văn Th.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Văn T, sinh ngày 22/01/2014 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chị H không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lò Văn Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp anh Lò Văn Th lợi dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Th.

Vì lợi ích của các con khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/01/2021). Anh Lò Văn Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện TG;
- Chi cục THADS huyện TG;
- UBND xã MT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Đình Hiếu

